

DOI:10.22144/ctujos.2025.080

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN THUỘC DIỆN XÉT TUYỂN THẲNG VÀO HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Hoàng Long^{1*}, Sơn Chanh Đa¹, Nguyễn Thanh Nhã Trúc¹, Trần Hoàng Quế Anh¹ và Huỳnh Văn Tú²

¹Khoa Dự bị Dân tộc, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

²Phòng Đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): nhlong@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 25/09/2024

Sửa bài (Revised): 18/10/2024

Duyệt đăng (Accepted): 09/01/2025

Title: Factors affecting the academic performance of students eligible for direct admission to the knowledge enhancement program at Can Tho University

Author(s): Nguyen Hoang Long^{1*}, Son Chanh Da¹, Nguyen Thanh Nha Truc¹, Tran Hoang Que Anh¹ and Huynh Van Tu²

Affiliation(s): ¹School of Pre - University, Can Tho University, Viet Nam; ²Department of Academic Affairs, Can Tho University, Viet Nam

TÓM TẮT

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên thuộc diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức của Trường Đại học Cần Thơ được phân tích trong nghiên cứu. Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy Binary Logistic được sử dụng dựa trên cơ sở dữ liệu sơ cấp, thu thập từ 200 sinh viên học bổ sung kiến thức của Trường từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Kết quả nghiên cứu cho thấy 3 yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên thuộc diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức tại Trường Đại học Cần Thơ là (i) Phương pháp học tập, (ii) Cơ sở vật chất và (iii) Phương pháp dạy học. Trên cơ sở đó, các khuyến nghị được đề xuất cho sinh viên, giảng viên và Nhà trường nhằm cải thiện kết quả học tập của sinh viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Từ khóa: Chất lượng đào tạo, kết quả học tập, sinh viên, yếu tố ảnh hưởng

ABSTRACT

This study analyzes the factors influencing the academic performance of students eligible for direct admission to supplementary knowledge courses at Can Tho University. Based on primary data collected from 200 students from their first to fourth year, the study utilizes scale reliability assessment (Cronbach's Alpha), exploratory factor analysis (EFA), and Binary Logistic regression. The research results indicate that there are three factors influencing the academic performance of students eligible for direct admission to supplementary knowledge courses at Can Tho University: (i) Learning methods, (ii) Facilities, and (iii) Teaching methods. Based on this, the study proposes recommendations for students and the school to improve students' academic performance, contributing to enhancing the quality of education at the institution.

Keywords: Academic results, factors affecting, quality of training, students

1. GIỚI THIỆU

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của quốc gia ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL); là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự phát triển của ĐBSCL và của đất nước. Trong công tác tuyển sinh đại học, Trường ĐHCT tuyển sinh bằng nhiều phương thức khác nhau. Bên cạnh tuyển sinh đại học bằng phương thức xét điểm học bạ trung học phổ thông (THPT), xét điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển dựa vào điểm thi V-SAT,... Nhà trường còn tuyển sinh đại học bằng phương thức xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức trước khi sinh viên chính thức tham gia chương trình đại học chính quy.

Theo đó, Khoa Dự bị Dân tộc - Trường ĐHCT là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo học sinh diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức. Hằng năm, căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ưu tiên trong tuyển sinh, Trường ĐHCT thông báo xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức. Theo đó, những học sinh thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số rất ít người, học sinh ở 20 huyện nghèo, biên giới và hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ theo quy định hiện hành của Chính phủ và tốt nghiệp THPT tại năm xét tuyển sẽ được tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức một năm trước khi tham gia chương trình đại học chính quy các ngành học đại trà của Trường ĐHCT (ngoại trừ ngành đào tạo giáo viên). Để chính thức trở thành sinh viên, những học sinh này phải học bổ sung kiến thức một năm theo chương trình bổ sung kiến thức các môn văn hóa và phải đạt kết quả theo Quy định của Trường ĐHCT.

Sau 10 năm tuyển sinh và đào tạo theo phương thức xét tuyển này, Trường ĐHCT đã đào tạo 2.570 sinh viên chính quy thuộc diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức tại Khoa Dự bị Dân tộc - Trường ĐHCT (CTU-DB). Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên CTU-DB đạt kết quả học tập loại Khá và Trung bình chiếm phần lớn (lần lượt là 46% và 39%) và chưa đến 10% sinh viên CTU-DB đạt loại Giỏi và Xuất sắc. Do đó, việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB và công tác đào tạo diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức tại Khoa và Trường là vô cùng cần thiết. Trong nghiên cứu này, dữ liệu từ sinh viên CTU-DB năm thứ nhất đến năm thứ tư đang học tại Trường ĐHCT được thu thập để thực hiện nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu là cơ sở giúp Nhà trường giảm thiểu các yếu tố tiêu cực và phát huy những yếu tố tích cực góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên

CTU-DB; đồng thời, gợi ý chính sách về việc nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng dịch vụ của Nhà trường trong thời gian tới.

Tuy nhiên, các nghiên cứu trước cho thấy việc nâng cao kết quả học tập sinh viên không bao giờ là việc làm đơn giản bởi kết quả học tập phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài của sinh viên. Trước tiên, Vo (2010) cho rằng các yếu tố thuộc đặc điểm sinh viên (động cơ học tập, cạnh tranh học tập, kiên định học tập, ấn tượng trường học) tác động đến kết quả học tập của sinh viên. Ngoài ra, Nguyen et al. (2016) và Nguyen et al. (2017) cũng tiếp cận phân tích ảnh hưởng của đặc điểm sinh viên (giới tính, tham gia ban cán sự, đoàn thể, năm học và tần suất sử dụng dịch vụ thư viện, internet trong học tập) đến kết quả học tập của họ. Tuy nhiên, không chỉ các yếu tố thuộc về đặc điểm của sinh viên ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn có các yếu tố bên ngoài sinh viên. Theo Bien (2015), 9 yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên như phương pháp học tập của sinh viên, khu vực đào tạo, số giờ tự học, phương pháp sư phạm của giảng viên, sự quan tâm của gia đình, giới tính sinh viên, hoạt động xã hội, thể chất của sinh viên và năm học đại học của sinh viên. Tương tự, nghiên cứu của Nguyen et al. (2020) cũng cho thấy kết quả học tập còn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thuộc về đặc điểm của sinh viên (điểm tuyển sinh đầu vào, giới tính, khoa đào tạo, khóa học) và yếu tố bên ngoài sinh viên.

Không chỉ đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên cũng được nhiều nhà nghiên cứu ngoài nước quan tâm và nghiên cứu từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Cụ thể, Bratti and Staffolani (2002) nhấn mạnh kết quả học tập phụ thuộc vào các yếu tố nội tại của sinh viên (thời gian tự học, thời gian học ở lớp và năng lực của sinh viên). Tương tự, Elias (2005) cũng cho rằng kết quả học tập có mối quan hệ chặt chẽ với những yếu tố liên quan đến sinh viên như phương pháp học tập và các đặc điểm về giới tính, độ tuổi, kinh nghiệm học tập, động cơ học tập của sinh viên. Sau đó, nghiên cứu của Martha (2009) và Ali et al. (2013) cho thấy yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên là đặc điểm của sinh viên (tình trạng kinh tế gia đình, kết quả đầu vào, nền tảng trường phổ thông, nỗ lực của sinh viên, tuổi, động cơ học tập, sở thích học tập của sinh viên). Bên cạnh những yếu tố bên trong, Farooq et al. (2011) cũng nhấn mạnh ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài không thuộc khả năng kiểm soát của sinh viên đến kết quả học tập của họ.

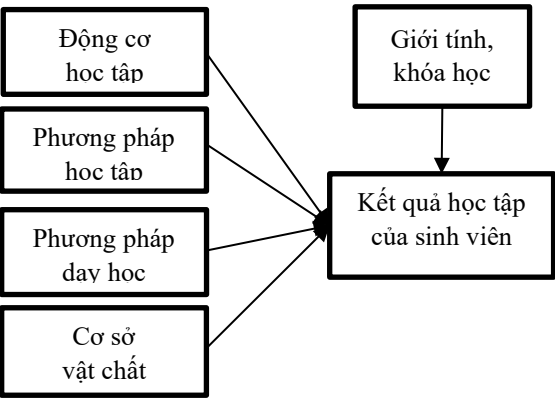
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước đó (Cole et al., 2004; Vo, 2010; Ali et al., 2013; Nguyen et al., 2020; Phan et al., 2020,...) và thực tiễn trong công tác đào tạo sinh viên CTU-BD, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên được tiếp cận ở cả hai hướng gồm những yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài của sinh viên, từ đó, các yếu tố ảnh hưởng kết quả học tập sinh viên thuộc diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức tại Trường ĐHTC được đề xuất bao gồm: (1) Động cơ học tập, (2) Phương pháp học tập, (3) Phương pháp dạy học (4) Cơ sở vật chất và các biến kiểm soát: giới tính và khóa học sinh viên (Hình 1).

Dựa trên các tiêu chí và biến quan sát (mục hỏi) của nhiều nghiên cứu trước (Cole et al., 2004; Vo, 2010; Phan et al., 2020), các biến quan sát trong mô

hình nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1 và thang đo được sử dụng để đánh giá là thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý).



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Bảng 1. Diễn giải các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

Tiêu chí	Biến quan sát	Nguồn
Động cơ học tập (DCHT)	Tôi dành nhiều thời gian cho việc học tập	(Cole et al., 2004)
	Đầu tư vào việc học là ưu tiên số một của tôi	
	Có ý thức tự học cao	
	Tôi tập trung hết sức mình cho việc học tập	
	Động cơ học tập của tôi rất cao	
Phương pháp học tập (PPHT)	Lập thời gian biểu cho việc học tập	Vo (2010)
	Xác định phương thức học tập tương thích với từng học phần	
	Tìm đọc tất cả các tài liệu do giảng viên hướng dẫn	
	Khi đọc tài liệu ghi chép những ý chính quan trọng, tóm tắt dưới dạng sơ đồ, mô hình	
	Ghi chép bài đầy đủ theo cách hiểu của mình	
	Tự làm các bài tập mà giảng viên giao cho	
Phương pháp dạy học (PPDH)	Thảo luận, học nhóm	(Phan et al., 2020)
	Tham gia nghiên cứu khoa học	
	Giảng viên kết hợp các phương pháp dạy học phù hợp với từng học phần	
	Giảng viên tạo cơ hội cho sinh viên thảo luận sâu hơn về nội dung bài học	
	Giảng viên tích cực sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại như tivi, máy chiếu, máy tính, video,...	
Cơ sở vật chất (CSVC)	Giảng viên truyền đạt nội dung rõ ràng, dễ hiểu	(Phan et al., 2020)
	Giảng viên quản lý tốt lớp học, thường xuyên tương tác với sinh viên, tạo không khí sôi động và cởi mở	
	Chất lượng phòng học (bàn, ghế, tivi, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng,...) được đảm bảo	
	Thư viện, Trung tâm học liệu hiện đại, đầy đủ học liệu	
	Hệ thống internet của Nhà trường được kết nối để khai thác thông tin phục vụ cho học tập	
	Hệ thống điện, nước đáp ứng các hoạt động học tập và sinh hoạt tại Trường	
	Vệ sinh môi trường được giữ gìn và đảm bảo	

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đến thời điểm khảo sát, Trường ĐHCT có 718 sinh viên CTU-DB đang theo học thuộc các khóa 46 đến khóa 49 (sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư). Do đó, cỡ mẫu tối thiểu cần thu thập là 108 quan sát, chiếm 15% tổng sinh viên CTU-DB (Chaokromthong & Sintao, 2021).

Bên cạnh đó, theo Bollen (1989) và Hair et al. (2006), đối với phương pháp phân tích nhân tố khám phá, cỡ mẫu tối thiểu cần thu thập gấp 5 lần số lượng mục hỏi (biến quan sát). Cho nên, cỡ mẫu tối thiểu cần thu thập để thực hiện nghiên cứu này là 115 (5×23 biến trong phân tích nhân tố = 115 quan sát). Ngoài ra, theo Green (1991), cỡ mẫu tối thiểu đảm bảo độ tin cậy cho phân tích hồi quy trong nghiên cứu này là $(50 + 8 \times 8)$ biến giải thích trong mô hình hồi quy = 114 quan sát). Do đó, để đảm bảo giá trị và tính khái quát cho tổng thể nghiên cứu, cỡ mẫu được chọn là 200 sinh viên. Dữ liệu sơ cấp được thực hiện thông qua việc gửi bảng hỏi Google form đến thư điện tử của sinh viên CTU-DB đang học tại Trường ĐHCT. Thời gian thu thập dữ liệu từ 11/2023 đến 01/2024. Dữ liệu thứ cấp là điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên CTU-DB được thu thập từ Phòng Đào tạo, Trường ĐHCT. Các phương pháp phân tích sử dụng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB

gồm (i) đánh giá độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha), (ii) phân tích nhân tố khám phá (EFA) và (iii) phân tích hồi quy Binary Logistic.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Theo kết quả khảo sát từ 200 sinh viên CTU-DB (Bảng 2), sinh viên nữ thuộc diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức tại trường Đại học Cần Thơ (chiếm 57,5%), nhiều hơn so với số lượng sinh viên nam CTU-DB. Số lượng sinh viên khóa 49 nhập học đông hơn sinh viên các khóa còn lại nên số lượng sinh viên khóa 49 tham gia khảo sát chiếm đến 37% tổng số sinh viên khảo sát. Trong 200 sinh viên CTU-DB tham gia khảo sát, sinh viên CTU-DB được xếp loại Khá chiếm 44,5%, Giỏi chiếm 32% và Xuất sắc là 9%. Sinh viên CTU-DB xếp loại Yếu và Kém chỉ chiếm 3%. Tuy có sự đa dạng trong việc theo học các nhóm ngành đào tạo của Trường ĐHCT, số lượng sinh viên CTU-DB ở các nhóm ngành lại không đồng đều. Qua thống kê cho thấy, số lượng sinh viên CTU-DB theo học nhóm ngành “Kinh tế, Kinh doanh & Quản lý, Luật” chiếm tỷ lệ cao nhất (45,5%), ngược lại, nhóm ngành “Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên, Hóa dược, Thống kê” là nhóm ngành sinh viên CTU-DB theo học ít nhất (chỉ chiếm 3%).

Bảng 2. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

	Mô tả	Tần số	Tỷ trọng (%)
Giới tính	Nữ	115	57,5
	Nam	85	42,5
Khóa	Khóa 46	47	23,5
	Khóa 47	34	17,0
	Khóa 48	45	22,5
	Khóa 49	74	37,0
Điểm trung bình	Từ 3,60 đến 4,00	6	9,0
	Từ 3,20 đến 3,59	23	32,0
	Từ 2,50 đến 3,19	89	44,5
	Từ 2,00 đến 2,49	64	11,5
	Nhỏ hơn 2,00	18	3,0
Nhóm ngành	Kinh tế, Kinh doanh & Quản lý, Luật	91	45,5
	Kỹ thuật & Công nghệ	29	14,5
	Máy tính, Công nghệ thông tin & Truyền thông	28	14,0
	Ngôn ngữ & văn hóa nước ngoài, Xã hội nhân văn, Du lịch	28	14,0
	Nông nghiệp, Thủy sản, Chế biến, Chăn nuôi, Thú y, Môi trường & Tài nguyên	18	9,0
	Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên, Hóa dược, Thống kê	6	3,0

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên thuộc diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 3 cho thấy mức độ đồng ý trung bình của sinh viên CTU-DB đối với các mục hỏi trong mô hình nghiên cứu từ 3,8 đến 4,5 điểm với độ lệch chuẩn dao động từ 0,55 đến 0,9. Ngoài ra, nhận định của sinh viên CTU-DB về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của họ khá đa dạng từ hoàn toàn không đồng ý (1) đến hoàn toàn đồng ý (5).

Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach Alpha (Bảng 4) cho thấy các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên đều có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha khá cao. Cụ thể, hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm yếu tố từ 0,808 đến 0,877. Ngoài ra, hệ số tương quan của các biến quan sát với nhóm yếu tố đều lớn hơn 0,3. Do đó, các biến quan sát đều đạt yêu cầu và được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá tiếp theo.

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
DCHT1	4,205	0,667	1,0	5,0
DCHT2	4,390	0,574	3,0	5,0
DCHT3	4,165	0,640	2,0	5,0
DCHT4	4,060	0,631	2,0	5,0
DCHT5	4,085	0,624	2,0	5,0
PPHT1	4,045	0,759	2,0	5,0
PPHT2	4,175	0,698	2,0	5,0
PPHT3	4,070	0,760	1,0	5,0
PPHT4	4,185	0,751	2,0	5,0
PPHT5	4,460	0,548	3,0	5,0
PPHT6	4,250	0,648	2,0	5,0
PPHT7	4,250	0,700	2,0	5,0
PPHT8	3,800	0,908	1,0	5,0
PPDH1	4,390	0,583	2,0	5,0
PPDH2	4,270	0,693	1,0	5,0
PPDH3	4,475	0,567	3,0	5,0
PPDH4	4,410	0,586	3,0	5,0
PPDH5	4,415	0,620	2,0	5,0
CSV1	4,310	0,683	2,0	5,0
CSV2	4,365	0,666	1,0	5,0
CSV3	4,265	0,767	1,0	5,0
CSV4	4,295	0,664	2,0	5,0
CSV5	4,375	0,588	2,0	5,0

Bảng 4. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha các thang đo

TT	Tiêu chí	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến - tổng
1	Động cơ học tập	0,808	0,532 → 0,674
2	Phương pháp học tập	0,860	0,520 → 0,676
3	Phương pháp dạy học	0,874	0,668 → 0,771
4	Cơ sở vật chất	0,877	0,699 → 0,744

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) ở Bảng 5 cho thấy 4 nhóm nhân tố với 21 biến quan sát còn lại (ngoại trừ biến PPHT5, PPHT6) đều đạt yêu cầu phân tích nhân tố khám phá. Cụ thể, hệ số

tải nhân tố từ 0,571 đến 0,807, mức ý nghĩa kiểm định Barlett's nhỏ hơn 1%, hệ số KMO lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1 và tổng phương sai trích là 63,03%. Điều này cho thấy các biến và dữ liệu thích hợp để thực hiện phân tích EFA.

Bảng 5. Ma trận xoay nhân tố biến độc lập

	Nhân tố			
	1	2	3	4
CSVC5	0,807			
CSVC3	0,783			
CSVC2	0,765			
CSVC4	0,758			
CSVC1	0,677			
PPHT4		0,755		
PPHT3		0,725		
PPHT7		0,660		
PPHT2		0,614		
PPHT1		0,596		
PPHT8		0,571		
PPDH3			0,783	
PPDH2			0,753	
PPDH5			0,733	
PPDH4			0,661	
PPDH1			0,582	
DCHT1				0,717
DCHT4				0,697
DCHT3				0,684
DCHT5				0,661
DCHT2				0,643
Hệ số KMO		0,905		
Mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett		0,000		
Phần trăm phương sai trích		63,030		

Bảng 6. Ma trận điểm số nhân tố biến độc lập

	Nhân tố			
	1	2	3	4
CSVC1	0,206			
CSVC2	0,292			
CSVC3	0,316			
CSVC4	0,281			
CSVC5	0,310			
PPHT1		0,219		
PPHT2		0,232		
PPHT3		0,325		
PPHT4		0,389		
PPHT7		0,323		
PPHT8		0,202		
PPDH1			0,196	
PPDH2			0,353	
PPDH3			0,387	
PPDH4			0,269	
PPDH5			0,308	
DCHT1				0,371
DCHT2				0,307
DCHT3				0,290
DCHT4				0,291
DCHT5				0,310

Ngoài ra, kết quả phân tích nhân tố ở Bảng 6 cho thấy trong nhóm cơ sở vật chất (CSVC), biến CSVC3 và CSVC5 có tác động lớn nhất đến tác động chung của nhóm nhân tố CSVC ($w_{1,3} = 0,316$ & $w_{1,5} = 0,310$). Đối với nhóm phương pháp học tập (PPHT), 3 biến có tác động lớn đến tác động chung của nhóm PPHT lần lượt là PPHT4 ($w_{2,4} = 0,389$), PPHT3 ($w_{2,3} = 0,325$) và PPHT7 ($w_{2,7} = 0,323$). Tương tự, 3 biến có tác động lớn nhất đến tác động chung của nhóm phương pháp dạy học (PPDH) lần lượt là PPDH3 ($w_{3,3} = 0,387$), PPDH2 ($w_{3,2} = 0,353$) và PPDH5 ($w_{3,5} = 0,308$). Cuối cùng, đối với nhóm động lực học tập (DCHT), biến DCHT1 ($w_{4,1} = 0,371$), biến DCHT5 ($w_{4,5} = 0,310$) và biến DCHT2 ($w_{4,2} =$

0,307) là những biến có tác động lớn trong nhóm DCHT.

Trong Bảng 7, Mô hình 1 là mô hình ước lượng ảnh hưởng của các biến độc lập đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB và Mô hình 2 được sử dụng để ước lượng ảnh hưởng của biến độc lập và các biến kiểm soát (giới tính, khóa học) đến kết quả học tập của sinh viên. Kết quả kiểm định Omnibus và Hosmer & Lemeshow cho thấy 2 mô hình là phù hợp và khả năng dự báo đúng của mô hình khá cao (khoảng 87%). Bên cạnh đó, hầu hết các biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5% và 1% ngoài trừ động cơ học tập và biến kiểm soát (giới tính, khóa học). Cụ thể, biến PPHT có ảnh hưởng tích cực lớn nhất đến kết quả học tập sinh viên. Tiếp đến là biến CSVC và biến PPDH ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập sinh viên CTU-DB.

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic

Biến	Diễn giải biến	Mô hình 1	Mô hình 2
Hằng số		2,190*** (0,266)	2,092*** (0,494)
DCHT	Động cơ học tập	0,279 (0,240)	0,268 (0,243)
PPHT	Phương pháp học tập	0,663*** (0,203)	0,676*** (0,215)
PPDH	Phương pháp dạy học	0,502** (0,222)	0,478** (0,226)
CSVC	Cơ sở vật chất	0,496** (0,215)	0,499** (0,221)
GTINH	Giới tính sinh viên		-0,383 (0,456)
K47	Khóa 47		0,295 (0,662)
K48	Khóa 48		0,554 (0,698)
K49	Khóa 49		0,322 (0,577)
Số quan sát		200	200
Mức ý nghĩa của mô hình		0,000	0,005
Tỷ trọng dự báo đúng (%)		87,0	87,5
Giá trị -2 log likelihood		137,769	136,421
Mức ý nghĩa kiểm định Hosmer và Lemeshow		0,464	0,908

Biến phụ thuộc: Kết quả học tập của sinh viên: Có giá trị 1 khi việc bồi dưỡng kiến thức 1 năm tại Trường ĐHTC nâng cao kết quả học tập của sinh viên CTU-DB, ngược lại có giá trị 0

*Ghi chú: ***: mức ý nghĩa 1%; **: mức ý nghĩa 5%.*

3.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 7 chỉ ra rằng nhóm yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả học tập sinh viên CTU-DB là phương pháp học tập (PPHT), tiếp

theo là cơ sở vật chất (CSVC) và phương pháp dạy học (PPDH). Nguyên nhân là do phương pháp học tập có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức trong quá trình học tập của sinh viên CTU-DB. Sự lựa chọn và áp dụng hiệu quả các

phương pháp học tập quyết định rất lớn đến kết quả học tập sinh viên. Khi sinh viên chọn lựa phương pháp học phù hợp giúp tiếp thu kiến thức tốt hơn và giảm áp lực trong quá trình học, nâng cao khả năng thích nghi với cường độ học tập mới. Phương pháp học tập hiệu quả khuyến khích sinh viên chủ động tìm tòi, sáng tạo trong việc tiếp cận kiến thức, từ đó nâng cao khả năng học tập và áp dụng kiến thức. Cụ thể, việc ghi chép ý chính, tóm tắt và sơ đồ hóa kiến thức (PPHT4), tìm đọc các tài liệu được giảng viên hướng dẫn (PPHT3) và thảo luận, học nhóm (PPHT7) là các yếu tố quan trọng nhất trong nhóm phương pháp học tập (PPHT) ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB. Việc ghi chép, tóm tắt và sơ đồ hóa kiến thức giúp cho sinh viên tăng cường khả năng ghi nhớ, chủ động xử lý thông tin từ đó rút ra những ý chính, mối liên hệ giữa chúng và dễ dàng hệ thống hóa lại kiến thức và ôn tập một cách nhanh chóng. Ngoài ra, việc đọc thêm các tài liệu không chỉ đảm bảo kiến thức đầy đủ mà còn mở rộng các kiến thức có liên quan đến học phần, rèn luyện kỹ năng tự học. Bên cạnh đó, sinh viên tham gia thảo luận, học nhóm làm tăng tương tác, chia sẻ kiến thức và học hỏi lẫn nhau, tăng khả năng tư duy và tự tin hơn trong quá trình học tập.

Không những thế, cơ sở vật chất tốt (thư viện, phòng học hiện đại, phòng thí nghiệm, ...) tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích sinh viên học tập, nghiên cứu, giúp sinh viên tập trung và hứng thú hơn trong quá trình học tập, tạo ra nhiều cơ hội học hỏi hơn. Từ đó, gia tăng kết quả học tập. Các trang thiết bị hiện đại giúp sinh viên tiếp cận thông tin nhanh chóng và trực quan hơn, dễ dàng truy cập tài nguyên học tập trực tuyến, làm việc nhóm và tham gia các khóa học trực tuyến. Đối với sinh viên CTU-DB, việc triển khai tốt hệ thống internet của Nhà trường (CSVC3) và vệ sinh môi trường được giữ gìn và đảm bảo là 2 yếu tố quan trọng vì trong thời đại số, internet đã trở thành một công cụ học tập không thể thiếu. Việc có 1 hệ thống internet ổn định, tốc độ cao là điều kiện tiên quyết để sinh viên tiếp cận kiến thức mới nhất, tìm kiếm thông tin, giao lưu, kết nối với bạn bè, giảng viên và tham gia vào các hoạt động học tập trực tuyến một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, vệ sinh môi trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tâm lý của sinh viên, từ đó tác động đến khả năng tiếp thu kiến thức và hiệu quả học tập của sinh viên.

Bên cạnh phương pháp học tập và cơ sở vật chất tốt, phương pháp dạy học sinh động, hiệu quả của giảng viên cũng giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu kiến thức, nâng cao kết quả học tập. Các hoạt động học tập đa dạng, hấp dẫn tạo điều kiện cho sinh viên

tương tác nhiều hơn với giảng viên và bạn học sẽ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức nhanh hơn, nhớ lâu hơn và hứng thú hơn với việc học. Các phương pháp dạy học hiện đại không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm, rất cần thiết cho sự nghiệp tương lai. Đặc biệt, sinh viên lớn lên trong môi trường công nghệ, quen thuộc và thích thú với các thiết bị điện tử. Giảng viên sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại (PPDH3) sẽ tăng tính hấp dẫn của bài giảng khiến việc học trở nên thú vị hơn. Trực quan hóa kiến thức, ứng dụng tương tác cho phép sinh viên tham gia vào quá trình học một cách chủ động, tiếp cận với thông tin hiện đại. Ngoài ra, việc tạo cơ hội cho sinh viên thảo luận sâu hơn nội dung bài học (PPDH2) giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trình bày ý kiến, phân tích vấn đề từ nhiều góc độ và làm việc nhóm hiệu quả từ đó sinh viên hiểu sâu hơn vấn đề, khắc phục những điểm chưa rõ, giúp phá vỡ sự nhàm chán, tạo ra một môi trường học tập tích cực. Không những thế, giảng viên tạo môi trường học tập sôi động và cởi mở (PPDH5), nắm bắt được khó khăn của từng sinh viên và kịp thời hỗ trợ, động viên và khích lệ giúp sinh viên tự tin hơn. Khi sinh viên cảm thấy hứng thú tham gia vào quá trình học tập và nhận được sự hỗ trợ từ giáo viên, họ sẽ đạt được kết quả tốt hơn.

Bên cạnh những nhóm yếu tố thúc đẩy kết quả học tập, động cơ học tập, giới tính và khóa học của sinh viên chưa tạo sự khác biệt về kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên CTU-DB không có nhiều khác biệt về động cơ học tập từ trước khi vào đại học. Giai đoạn học tập bổ sung kiến thức là thời điểm chuyển tiếp, nhiều sinh viên có thể vẫn đang tìm cách điều chỉnh động lực của mình và thay đổi theo thời gian, tùy thuộc vào từng cá nhân. Do đó, động cơ học tập chưa là yếu tố chính thúc đẩy kết quả học tập sinh viên CTU-DB trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, giới tính cũng không ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB vì Trường ĐHCT luôn tạo ra môi trường học tập công bằng, trong đó cả nam và nữ đều được tiếp cận các cơ hội và phương pháp học tập như nhau, dẫn đến không có sự khác biệt lớn về giới tính trong kết quả học tập của sinh viên CTU-DB. Tương tự, chương trình đào tạo giữa khóa học tương đối đồng nhất, tương đồng về nội dung và yêu cầu, khiến cho sự khác biệt giữa các khóa học không đủ lớn để ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB một cách rõ rệt.

Qua kết quả nghiên cứu, các khuyến nghị được đề xuất như sau:

Đối với sinh viên: Trước tiên, sinh viên cần xác định rõ mục tiêu học tập tại Trường, tầm quan trọng

của việc học và xây dựng các kế hoạch cụ thể phù hợp. Sinh viên CTU-DB nên áp dụng đa dạng các phương pháp học tập hiệu quả phù hợp với bản thân và từng học phần như ghi chép tóm tắt kiến thức, sơ đồ hóa kiến thức, tìm đọc tài liệu do giảng viên hướng dẫn và tích cực tham gia thảo luận nhóm và các hoạt động học thuật. Sinh viên cần chủ động tìm kiếm và sử dụng các nguồn lực học tập được giảng viên hướng dẫn để mở rộng kiến thức. Sinh viên cũng cần tạo thói quen thảo luận nhóm, tham gia các hoạt động học tập nhóm, câu lạc bộ học thuật để trao đổi kiến thức và học hỏi lẫn nhau để gia tăng tư duy và khả năng làm việc nhóm. Từ đó, sinh viên tìm ra kiến thức lõi của mỗi học phần và nâng cao kết quả học tập của mình.

Ngoài ra, sinh viên cần tích cực rèn luyện khả năng tự học và chủ động trong việc tìm kiếm kiến thức mới và xây dựng môi trường học tập tích cực cho bản thân. Tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất của Trường như thư viện, trung tâm học liệu, nguồn internet trong toàn Trường để truy cập các tài liệu, thông tin, khóa học phục vụ cho học tập, ... Bên cạnh đó, sinh viên cần rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần, chủ động trang bị các kỹ năng cần thiết như kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình, quản lý thời gian, tư duy phản biện, kỹ năng ngoại ngữ và tin học, ...

Đối với Trường ĐHTC: Nhà trường nên tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường nên quy hoạch và xây dựng thêm phòng học, thư viện, phòng thực hành, ... đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của sinh viên. Bên cạnh đó, việc nâng cấp hệ thống mạng internet ổn định, tốc độ cao và các tài nguyên học tập trực tuyến phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên là vô cùng cần thiết để sinh viên cập nhật kiến thức mới và ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập một cách hiệu quả. Ngoài ra, Nhà trường cần đảm bảo môi trường vệ sinh sạch sẽ để giữ sức khỏe và tạo không gian học tập thoải mái cho sinh viên.

Bên cạnh việc cải thiện cơ sở vật chất của Trường, Nhà trường nên chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên và viên chức của Trường như tuyển chọn đội ngũ giảng viên, viên chức có trình độ chuyên môn cao và tâm huyết với nghề, khuyến khích giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp với đặc điểm của sinh viên và Nhà trường nên tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên nâng cao kiến thức và kỹ năng giảng dạy. Ngoài ra, Nhà trường nên tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ học tập cho sinh viên, xây dựng các chương trình hỗ trợ học tập

cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, tiếp tục hỗ trợ tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ học thuật để tạo môi trường học tập sôi nổi, bổ ích cho sinh viên.

Đối với giảng viên Trường ĐHTC: Giảng viên nên không ngừng nâng cao kỹ năng sư phạm để truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả, thu hút sự chú ý và tạo hứng thú học tập cho của sinh viên. Trong đó, giảng viên nên lựa chọn phương pháp giảng dạy và xây dựng tài liệu học tập phù hợp đối với mỗi học phần, mỗi đối tượng sinh viên để đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra, giảng viên nên tạo môi trường học tập tương tác, khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi, tham gia thảo luận và chia sẻ ý kiến và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin để việc giảng dạy trở nên nhẹ nhàng, sinh động và hiệu quả hơn. Không những thế, giảng viên cũng nên quan tâm đến sinh viên, kịp thời hỗ trợ sinh viên giải quyết những khó khăn trong học tập và cuộc sống.

4. KẾT LUẬN

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên thuộc diện xét tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức tại Trường ĐHTC được phân tích. Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy Binary Logistic được sử dụng để phân tích dữ liệu khảo sát từ 200 sinh viên CTU-DB. Kết quả nghiên cứu chỉ ra ba yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB gồm: (i) Phương pháp học tập, (ii) Cơ sở vật chất và (iii) Phương pháp dạy học. Điều này cho thấy sinh viên có phương pháp học tập hiệu quả và tích cực, cùng với sự hỗ trợ từ cơ sở vật chất tốt và phương pháp dạy học phù hợp, sẽ đạt được kết quả học tập tốt hơn.

Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB mà còn cung cấp căn cứ cho các khuyến nghị nâng cao kết quả học tập của sinh viên CTU-DB và chất lượng đào tạo tại Trường ĐHTC trong tương lai. Trong đó, tối ưu hóa phương pháp học tập, cải thiện cơ sở vật chất và áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại, phù hợp sẽ giúp sinh viên phát huy tối đa tiềm năng của bản thân, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long cũng như của cả nước. Tuy nhiên, nghiên cứu không kiểm soát được tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên CTU-DB (như chương trình đào tạo, cơ hội học tập, đặc điểm gia đình, ...). Trong tương lai, việc tiếp tục nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên với mẫu nghiên cứu lớn hơn là cần thiết, kết

hợp các yếu tố khác chưa được khảo sát để có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu ở phạm vi lớn hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Bollen, K. A. (1989). *Structural Equations with Latent Variables*. New York: John Wiley & Sons. <https://doi.org/10.1002/9781118619179>
- Hair, J. F. J., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (2006). *Multivariate Data Analysis (sixth edition)*. New Jersey: Pearson Prentice Hall.
- Nguyen, A. T. T., Nguyen, T. T. N., Dinh, O. T. K., & Nguyen, T. V. (2016). Factors affecting the learning outcomes of first- and second-year students at Can Tho University of Technology. *Can Tho University Journal of Science, Part C: Social Sciences, Humanities and Education*, 46, 82-89 (in Vietnamese).
- Nguyen, D. T., Hoang, O. T. K., & Le, H. D. (2017). Current situation and factors affecting learning outcomes of students of the Faculty of Economics and Business Administration, Vietnam National University of Forestry. *Journal of Forestry Science and Technology*, October 2017, 134-141 (in Vietnamese).
- Nguyen, H. M., Hoang, T. T. K., Nguyen, T. T., & Phan, H. T. (2020). Factors affecting learning outcomes of full-time students at the University of Economics, Hue University. *Hue University Journal of Science: Faculty of Social Sciences and Humanities*, 129, 137-150 (in Vietnamese).
- Phan, T. T. H., Nguyen, T. H., Nguyen, H. T. (2020). Factors Affecting Students' Learning Outcomes: A Case Study at the Banking Academy - Bac Ninh Branch. *Journal of Banking Science & Training*, 219, 69-80 (in Vietnamese).
- Ali, S., Haider, Z., Munir, F., Khan, H., & Ahmed, A. (2013). Factors Contributing to the Students Academic Performance: A Case Study of Islamia University Sub-Campus. *American Journal of Educational Research*, 1(8), 283-289. <https://doi.org/10.12691/education-1-8-3>
- Bratti, M., & Staffolani, S. (2002). Student time allocation and educational production functions. *University of Ancona Department of Economics Working Paper No. 170*. <https://doi.org/10.2139/ssrn.321020>
- Chaokromthong, K., & Sintao, N. (2021). Sample size estimation using Yamane and Cochran and Krejcie and Morgan and green formulas and Cohen statistical power analysis by G* Power and comparisons. *Apheit International Journal*, 10(2), 76-86.
- Cole, M. S., Field, H. S., & Harris, S. G. (2004). Learning motivation and psychological hardiness: Interactive effects on student's reactions to a management class. *Academy of management Learning and Education*, 3(1), pp.64-85. <https://doi.org/10.5465/amle.2004.12436819>
- Elias, R. Z. (2005). Students' approaches to study in introductory accounting courses. *Journal of Education for Business*, 80, 194-199. <https://doi.org/10.3200/JOEB.80.4.194-199>
- Farooq, M. S., Chaudhry, A. H., Shafiq, M., & Berhanu, G. (2011). Factors affecting students' quality of academic performance: A case of secondary school level. *Journal of Quality and Technology Management*, 7, 1-14. https://www.researchgate.net/publication/284150574_Factors_affecting_students'_quality_of_academic_performance_A_case_of_secondary_school_level
- Green, S. B. (1991). How many subjects does it take to do a regression analysis?. *Multivariate Behavioral Research*, 26, 499-510. https://doi.org/10.1207/s15327906mbr2603_7
- Bien, H. C. (2015). *Analysis of factors affecting learning outcomes of part-time students*, Ho Chi Minh City Open University (Master's thesis). Ho Chi Minh City Open University (in Vietnamese).
- Nguyen, N. T. (2013). *Factors affecting students' learning outcomes (case study at Pham Van Dong University)* (Master's thesis). Vietnam National University, Hanoi (in Vietnamese). <https://moet.gov.vn/content/vanban/Lists/VBPQ/Attachments/1457/082022tbtgddtsigned.pdf>
- Vo, T. T. (2010). *Factors affecting the learning outcomes of full-time students at University of Economics Ho Chi Minh City* (Master's thesis). Vietnam National University, Hanoi (in Vietnamese).
- Martha, K. (2009). *Factors affecting academic performance of undergraduate students at Uganda Christian University* (master's thesis). Makerere University. https://www.academia.edu/22535654/factors_affecting_academic_performance_of_undergraduate_students_at_uganda_christian_university

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn Trường ĐHCТ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài. Kết quả nghiên cứu của đề tài này thuộc đề tài Khoa học giáo dục, luật và xã hội nhân văn do viên chức Trường ĐHCТ thực hiện với mã số đề tài là TĐH2023-15.